

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 09/04/2022**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Đinh Thị Trung Anh	Nữ	14/5/1995	Hà Tĩnh	7.0	9.0	540/QĐ122/2022	TH003279	
2	Đoàn Lan Anh	Nữ	18/9/1999	Nghệ An	7.0	9.0	541/QĐ122/2022	TH003280	
3	Trần Thế Anh	Nam	03/02/1985	Nghệ An	7.3	6.5	542/QĐ122/2022	TH003281	
4	Chu Văn Chương	Nam	10/5/1986	Hà Tĩnh	6.3	5.0	543/QĐ122/2022	TH003282	
5	Lê Văn Chương	Nam	14/3/1985	Nghệ An	8.3	9.0	544/QĐ122/2022	TH003283	
6	Lê Quý Đôn	Nam	01/7/1993	Hà Tĩnh	5.3	6.0	545/QĐ122/2022	TH003284	
7	Lê Trung Đức	Nam	08/3/1992	Nghệ An	6.3	6.5	546/QĐ122/2022	TH003285	
8	Đậu Dũng	Nam	32485	Nghệ An	6.7	6.5	547/QĐ122/2022	TH003286	
9	Hồ Xuân Dương	Nam	02/9/1983	Nghệ An	7.7	6.5	548/QĐ122/2022	TH003287	
10	Phan Trọng Dương	Nam	08/10/1982	Nghệ An	5.7	5.5	549/QĐ122/2022	TH003288	
11	Nguyễn Văn Gia	Nam	20/10/1987	Hà Tĩnh	6.3	6.5	550/QĐ122/2022	TH003289	
12	Bùi Đức Hào	Nam	22/12/1983	Nghệ An	7.0	7.0	551/QĐ122/2022	TH003290	
13	Đoàn Vĩnh Hào	Nam	08/11/1988	Hà Tĩnh	6.7	6.5	552/QĐ122/2022	TH003291	
14	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	08/10/1981	Hà Tĩnh	7.7	7.0	553/QĐ122/2022	TH003292	
15	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	04/5/1981	Nghệ An	5.7	6.5	554/QĐ122/2022	TH003293	
16	Nguyễn Ngọc Hoàn	Nam	26/10/1988	Hà Tĩnh	6.3	5.5	555/QĐ122/2022	TH003294	
17	Trần Tuấn Hoàng	Nam	16/3/1997	Hà Tĩnh	7.3	9.0	556/QĐ122/2022	TH003295	
18	Phạm Minh Hoàn	Nam	11/3/1993	Nghệ An	6.7	5.5	557/QĐ122/2022	TH003296	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
19	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	19/7/1991	Hà Tĩnh	6.3	5.0	558/QĐ122/2022	TH003297	
20	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nam	27/3/1997	Nghệ An	7.0	8.5	559/QĐ122/2022	TH003298	
21	Nguyễn Thành Hưng	Nam	09/7/1991	Quảng Bình	6.3	5.5	560/QĐ122/2022	TH003299	
22	Phạm Hồng Lam	Nam	09/8/1984	Hà Tĩnh	6.3	5.5	561/QĐ122/2022	TH003300	
23	Dương Thanh Lâm	Nam	30/8/1988	Quảng Bình	5.3	7.0	562/QĐ122/2022	TH003301	
24	Nguyễn Văn Lĩnh	Nam	10/4/1991	Nghệ An	6.3	6.0	563/QĐ122/2022	TH003302	
25	Nguyễn Sỹ Ngân	Nam	18/8/1986	Hà Tĩnh	5.7	5.5	564/QĐ122/2022	TH003303	
26	Nguyễn Thái Nghĩa	Nam	04/3/1986	Hà Tĩnh	6.7	6.0	565/QĐ122/2022	TH003304	
27	Trần Văn Niềm	Nam	06/9/1991	Nghệ An	6.3	7.5	566/QĐ122/2022	TH003305	
28	Lê Văn Quân	Nam	10/9/1992	Hà Tĩnh	6.7	6.5	567/QĐ122/2022	TH003306	
29	Nguyễn Công Quang	Nam	25/10/1987	Nghệ An	6.7	7.0	568/QĐ122/2022	TH003307	
30	Nguyễn Xuân Quyết	Nam	17/02/1984	Hà Tĩnh	6.3	7.0	569/QĐ122/2022	TH003308	
31	Cao Thị Sâm	Nam	25/6/1998	Nghệ An	7.0	8.5	570/QĐ122/2022	TH003309	
32	Lương Văn Sơn	Nam	22/6/1993	Nghệ An	5.7	5.5	571/QĐ122/2022	TH003310	
33	Ngô Xuân Tâm	Nam	24/6/1981	Quảng Bình	5.7	5.0	572/QĐ122/2022	TH003311	
34	Trần Hữu Thịnh	Nam	08/8/1985	Nghệ An	6.3	5.5	573/QĐ122/2022	TH003312	
35	Nguyễn Thị Diệu Trinh	Nam	22/11/1996	Nghệ An	6.3	8.5	574/QĐ122/2022	TH003313	
36	Phạm Ngọc Tuấn	Nam	01/8/1982	Hà Tĩnh	6.0	7.0	575/QĐ122/2022	TH003314	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

